

Số: /KH-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2020

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TU ngày 19/12/2019 của Ban Thường vụ
Tỉnh ủy (khóa XIX) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW
ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX)
về công tác dân tộc trong tình hình mới, giai đoạn 2020 – 2030**

Thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TU ngày 19/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XIX) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác dân tộc trong tình hình mới (viết tắt là Chỉ thị số 59-CT/TU), UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 – 2030 (viết tắt là Kế hoạch), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ MỤC TIÊU THỰC HIỆN

1. Mục đích: Toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trong tỉnh nhận thức đúng và đầy đủ về Chỉ thị số 59-CT/TU. Triển khai tổ chức thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ chủ yếu tại Chỉ thị số 59-CT/TU, sớm đưa Chỉ thị đi vào cuộc sống.

2. Yêu cầu: Các ngành, các cấp chính quyền phối hợp Mặt trận Tổ quốc và các hội đoàn thể trong tỉnh quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời, hiệu quả nội dung của Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác dân tộc trong tình hình mới và Chỉ thị số 59-CT/TU; cụ thể hóa các nhiệm vụ nêu trong Chỉ thị thành các cơ chế, chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án với bước đi phù hợp, phân công tổ chức thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ đó.

3. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

Khai thác tiềm năng, lợi thế của vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong tỉnh, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập so với bình quân chung của tỉnh; quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; cải thiện rõ rệt đời sống của nhân dân; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người DTTS; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các DTTS đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết

những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Phân đầu mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng trên 2 lần so với cuối năm 2020; tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm từ 3 - 4%.

- Giữ vững 100% xã có đường ô tô được nhựa hóa, bê tông hóa đến trung tâm xã; trên 95% đường ở thôn được bê tông hóa, cứng hóa theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải; 100% số trường lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; phân đầu trên 99% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

- Quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí 80% số hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, đầu nguồn, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở. Giải quyết 100% nhu cầu tối thiểu đất ở, đất sản xuất của các hộ DTTS, hộ nghèo, cận nghèo; xóa nhà tạm, dột nát cho 100% số hộ DTTS nghèo.

- Phân đầu tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường đạt 100%; học sinh trong độ tuổi học tiểu học đạt 100%, học sinh trung học cơ sở trên 95%, học sinh trung học phổ thông trên 60%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 90%.

- 100% Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; giữ vững 100% xã đã đạt tiêu chí quốc gia về y tế trong giai đoạn 2011-2020 và tiếp tục nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; 100% xã có bác sỹ; 100% trạm y tế xã đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế; 100% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế. Trên 97% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 10%.

- 50% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số.

- Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; phân đầu 100% thôn, làng có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn, làng có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

- Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, nhất là cán bộ dân tộc thiểu số tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương.

- Công tác an ninh, quốc phòng vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục được

củng cố và giữ vững trong tình hình mới.

c) Định hướng mục tiêu đến năm 2030

- Thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của cả nước; giảm hộ nghèo bình quân mỗi năm từ 3 - 4%. Cơ bản không còn các xã, thôn đặc biệt khó khăn; 70% số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt chuẩn nông thôn mới.

- Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, hằng năm thu hút 3% lao động sang làm các ngành, nghề: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ. Đến năm 2030 có 40% lao động người dân tộc thiểu số biết làm các ngành, nghề: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ.

- Phần đầu có 80% số hộ dân tộc thiểu số làm kinh tế nông – lâm nghiệp hàng hóa; xóa tình trạng nhà ở tạm, dột nát; ngăn chặn tình trạng suy thoái môi trường sinh thái; duy trì, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng.

- Trên 85% số xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân; quy hoạch sắp xếp, di dời, bố trí 100% hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở.

- Cơ bản hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra trong Chương trình Mục tiêu quốc gia về phát triển bền vững đến năm 2030.

(Có Phụ lục 1 và 2 kèm theo)

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Chỉ thị số 59-CT/TU

a) Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các hội đoàn thể ở tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai, quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động Chỉ thị số 59-CT/TU nhằm tiếp tục nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về công tác dân tộc.

b) Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động và giáo dục bằng nhiều hình thức phù hợp làm cho cán bộ, đảng viên và đồng bào dân tộc thiểu số về những thành tựu kinh tế - xã hội của đất nước, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số; củng cố lòng tin của đồng bào vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành của Nhà nước; phát huy truyền thống đại đoàn kết các dân tộc, ý thức tự lực, tự cường, phấn đấu vươn lên thoát nghèo, làm giàu cho gia đình, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

c) Thường xuyên cập nhật, cung cấp, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng kịp thời đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh về công tác dân tộc; các mô hình làm kinh tế giỏi, gương người tốt, việc tốt đến cán bộ, công chức, viên chức và đồng bào các dân tộc thiểu số trong tỉnh để bà con học tập và làm theo, không ngừng nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận xã hội, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị vùng đồng bào DTTS.

d) Phát huy vai trò, vị trí của già làng, người có uy tín trong đồng bào DTTS và các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân công kết nghĩa ở các thôn, làng trong công tác tuyên truyền, thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc, nhất là việc thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TU.

2. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội (Khóa XIV) về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030; Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030; Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/02/2020 của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội (Khóa XIV) và các chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 (*Có Phụ lục 3 chi tiết kèm theo*).

b) Tăng cường công tác tham mưu, đề xuất các đề án, cơ chế chính sách dân tộc đặc thù của tỉnh theo quy định và phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của địa phương từng giai đoạn; ưu tiên bố trí nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các chính sách hỗ trợ, thực hiện đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS theo hướng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả; chú trọng đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông, thủy lợi phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp.

c) Tập trung giải quyết cơ bản về đất ở, đất sản xuất, nhà ở, điện, nước sinh hoạt hợp vệ sinh... cho đồng bào dân tộc thiểu số theo chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước. Thực hiện tốt chính sách tín dụng đối với hộ nghèo đồng bào DTTS; chú trọng đổi mới quy trình, thủ tục cho vay, mức cho vay, mức lãi suất hợp lý nhằm tạo điều kiện giúp đồng bào DTTS có nhu cầu được vay vốn tín dụng kịp thời để đầu tư phát triển sản xuất.

3. Tăng cường phát triển kinh tế, đẩy nhanh công tác giảm nghèo trong vùng đồng bào DTTS

a) Phát triển các ngành kinh tế có lợi thế ở từng địa phương góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động hợp lý, thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh vùng đồng bào DTTS.

b) Đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nhân rộng mô hình kinh tế hiệu quả; chuyển đổi cơ cấu sản xuất, đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi, thúc đẩy phát triển sản xuất.

c) Rà soát, thống kê lại quỹ đất để hợp tác, thu hút doanh nghiệp đầu tư vùng sản xuất nông nghiệp, chuyên canh hàng hóa; thực hiện các biện pháp để người dân quản lý, sử dụng có hiệu quả đất đai để đầu tư phát triển sản xuất ổn định lâu dài.

d) Đẩy mạnh phát triển các cơ sở thương mại, dịch vụ vừa và nhỏ, hệ thống

chợ ở các xã vùng khó khăn; tạo lập mối liên kết giữa nhà sản xuất, nhà khoa học, nhà phân phối và người tiêu dùng tạo kênh lưu thông hàng hóa. Các địa phương chủ động tìm kiếm và kết nối thị trường đầu ra cho sản phẩm nông, lâm nghiệp của người dân vùng đồng bào DTTS.

4. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội vùng DTTS

a) Đầu tư xây dựng, phát triển và mở rộng quy mô các loại hình trường lớp theo tiêu chuẩn trường học đạt chuẩn quốc gia; nâng cao chất lượng hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú; tiếp tục thực hiện công tác cử tuyển học sinh DTTS vào học các trường đại học, cao đẳng, đào tạo nghề trung cấp; tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên người DTTS; kịp thời biểu dương, khen thưởng học sinh, sinh viên có thành tích xuất sắc trong học tập và rèn luyện; có cơ chế chăm lo đời sống cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên công tác tại vùng đồng bào DTTS và miền núi.

b) Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh cho bà con DTTS; đảm bảo cho mọi người được tiếp cận thuận lợi các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh có chất lượng ngay tại tuyến cơ sở. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ y tế cơ sở; tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục, phổ biến kiến thức vệ sinh phòng chống dịch bệnh đến hộ gia đình và cộng đồng.

c) Chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo và sử dụng cán bộ người DTTS; bố trí công chức, viên chức là người DTTS làm việc tại các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện và công chức là người DTTS làm việc tại Ủy ban nhân dân cấp xã, bảo đảm cơ cấu, thành phần dân tộc trên địa bàn.

d) Thực hiện có hiệu quả công tác dạy nghề, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho đồng bào DTTS, tạo điều kiện cho người dân phát triển sản xuất, vươn lên thoát nghèo bền vững; khuyến khích và đa dạng hóa hình thức đào tạo nghề theo nhu cầu; thực hiện tốt các chính sách về dạy nghề cho lao động nông thôn người DTTS.

đ) Tăng cường các biện pháp tuyên truyền, vận động nhằm ngăn chặn, đẩy lùi nạn tự tử, giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, góp phần nâng cao chất lượng dân số và nguồn nhân lực; tạo sự chuyển biến tích cực trong thực hiện bình đẳng giới và nâng cao vị thế của phụ nữ ở vùng đồng bào DTTS; giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em, phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế.

e) Bảo vệ, giữ gìn và phát huy văn hóa truyền thống các DTTS gắn với phát triển du lịch.

5. Tăng cường công tác an ninh, quốc phòng trong tình hình mới

Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận lòng dân vững chắc ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong tỉnh; chủ động nắm chắc tình hình, giải quyết những mâu thuẫn ngay từ cơ sở, kiên quyết đấu tranh với các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo gây ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

6. Tăng cường công tác bảo vệ rừng, môi trường

a) Thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng; giao khoán rừng, đất lâm nghiệp cho các hộ đồng bào DTTS nhận khoán (đặc biệt từ nguồn chi trả dịch vụ môi trường rừng) đảm bảo gắn với quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của người dân trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; hạn chế thấp nhất, tiến tới chấm dứt tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp trái phép.

b) Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn đồng bào các dân tộc nâng cao kiến thức bảo vệ môi trường; vận động các hộ dân bố trí khu chăn nuôi, đảm bảo hợp vệ sinh. Triển khai đầu tư xây dựng các điểm tập kết, mạng lưới thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, thuốc bảo vệ thực vật.

7. Bảo tồn, phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa các dân tộc

a) Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ, khuyến khích giữ gìn, bảo tồn, tôn vinh và phát huy bản sắc văn hóa, ngôn ngữ, chữ viết, tập quán, tín ngưỡng truyền thống tốt đẹp của đồng bào DTTS trong tỉnh; xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa gắn với việc bảo quản, gìn giữ, bảo tồn di tích, bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số; xây dựng nếp sống văn minh; tổ chức các hoạt động quảng bá, giới thiệu các lễ hội truyền thống, văn hóa đặc trưng của các dân tộc thiểu số trong tỉnh.

b) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thực hiện chính sách kế hoạch hóa gia đình trong đồng bào DTTS; vận động nhân dân ý thức cái hay, cái đẹp, tiến tới xóa bỏ các hủ tục lạc hậu...; thực hiện tốt cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”* gắn với việc *“Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh”*.

8. Xây dựng, củng cố hệ thống chính trị vùng đồng bào DTTS

a) Tăng cường củng cố, xây dựng và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể.

b) Chú trọng quy hoạch, đào tạo và sử dụng cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số nhằm đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực trong giai đoạn phát triển mới; chăm lo, đãi ngộ đối với cán bộ là người DTTS, cán bộ công tác ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc; củng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức cơ quan làm công tác dân tộc từ tỉnh đến huyện nhằm đảm bảo đồng bộ, thống nhất, tinh gọn; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

d) Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức công tác dân vận của hệ thống chính trị ở vùng đồng bào dân tộc, miền núi; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở và phong trào thi đua *“Dân vận khéo”*, phát huy vai trò giám sát, phản biện, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể nhân dân; tăng cường hoạt động của các mô hình tự quản tại cộng đồng dân cư; thực hiện tốt chính sách và phát huy hơn nữa vai trò của già làng, người có uy tín trong đồng bào DTTS.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Dân tộc tỉnh

a) Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, định kỳ hàng năm đánh giá việc thực hiện Kế hoạch; tổ chức phổ biến, quán triệt Kế hoạch.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh xây dựng và triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách đầu tư vùng dân tộc thiểu số và miền núi trong tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được phân công; rà soát, đánh giá các chương trình, chính sách và cập nhật tình hình, yêu cầu thực tiễn của địa phương để tham mưu, đề xuất UBND tỉnh bổ sung, sửa đổi hoặc đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế kịp thời; chủ động đề xuất, giải quyết kịp thời các kiến nghị và các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố cân đối, bố trí nguồn vốn và lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện các chương trình, dự án đầu tư cho vùng đồng bào DTTS và miền núi.

b) Xây dựng các danh mục dự án thu hút đầu tư vào vùng DTTS; khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động là DTTS; doanh nghiệp khởi nghiệp trong vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và chủ doanh nghiệp là người DTTS.

3. Sở Tài chính

a) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, hằng năm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan báo cáo UBND tỉnh phương án cân đối kinh phí để thực hiện Kế hoạch phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của địa phương; tham mưu về cơ chế, chính sách để thu hút, huy động các nguồn vốn đầu tư cho các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Hướng dẫn quản lý, thanh quyết toán và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng các nguồn vốn thực hiện các chương trình, chính sách, dự án đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong tỉnh.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Phối hợp với các địa phương thực hiện các dự án bố trí di dân, ổn định định canh, định cư; hình thành vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp hàng hóa phù hợp với điều kiện của địa phương; quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư gắn với đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và xây dựng nông thôn mới; tham mưu chính sách về nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm theo tiêu chuẩn của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

b) Phối hợp triển khai thực hiện các chính sách về hỗ trợ phát triển sản xuất và các chương trình, chính sách khác của Nhà nước đối với vùng đồng bào DTTS trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

5. Sở Văn hóa và Thể thao

a) Phối hợp với các địa phương tổ chức xây dựng và phát triển văn hóa dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững; sưu tầm, giữ gìn, bảo tồn, phát huy không gian văn hóa đặc trưng của đồng bào dân tộc thiểu số; tôn vinh và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của đồng bào DTTS; bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống, trang phục truyền thống của các dân tộc sinh sống lâu đời ở địa phương gắn với hoạt động tham quan nghiên cứu, du lịch; xây dựng nếp sống văn minh, bài trừ mê tín, dị đoan, hủ tục lạc hậu...

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, các địa phương liên quan định kỳ tổ chức Ngày hội Văn hóa - Thể thao các DTTS miền núi và Liên hoan Văn hóa công chiêng các DTTS; kế hoạch thực hiện Đề án Bảo tồn, phát huy trang phục truyền thống các DTTS trong tỉnh.

6. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp thực hiện chính sách cán bộ người DTTS; tham mưu UBND tỉnh ban hành chính sách thu hút, đào tạo cán bộ khoa học, cán bộ quản lý người DTTS; tuyển dụng, bố trí việc làm cho sinh viên người DTTS; hướng dẫn việc quy hoạch và bố trí hợp lý cán bộ, công chức người DTTS làm công tác chuyên môn thuộc các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã. Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới theo Quyết định 402/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Tiếp tục thực hiện các chính sách xã hội, đào tạo nghề, xuất khẩu lao động, giải quyết việc làm cho người đồng bào DTTS, chương trình hỗ trợ giảm nghèo, Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững... Chủ trì, phối hợp với các sở và địa phương liên quan thống kê số học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số đã tốt nghiệp các trường trung cấp, cao đẳng, đại học đang cư trú trên địa bàn tỉnh chưa có việc làm; phối hợp với các sở, ban, ngành và các địa phương tham mưu, đề xuất UBND tỉnh có giải pháp giải quyết việc làm cho học sinh, sinh viên.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh phát triển, đầu tư xây dựng hệ thống mạng lưới trường, lớp ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Quan tâm hệ thống nhà trẻ, giáo dục mầm non, tiểu học, trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú; tham mưu các chính sách hỗ trợ, khuyến khích đào tạo đối với học sinh, sinh viên là người DTTS gắn với nhu cầu đào tạo, sử dụng cán bộ của địa phương; tổ chức thực hiện tốt các chính sách đối với học sinh, sinh viên là người DTTS theo quy định.

b) Thực hiện quy hoạch đào tạo, phân luồng, hướng nghiệp, trong đó quan tâm đối tượng học sinh DTTS sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở và các cấp học khác để tạo nguồn cán bộ gắn với nhu cầu bố trí, sử dụng lao động của địa phương.

9. Sở Tư pháp

Phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh xây dựng, thực hiện các chương trình, kế

hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào DTTS; tổ chức các hoạt động trợ giúp pháp lý phù hợp với đồng bào DTTS.

10. Sở Thông tin và Truyền thông

Định hướng các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh truyền hình trên địa bàn tỉnh nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền bằng các hình thức, phương thức phù hợp với từng vùng, từng dân tộc; phát huy các kênh thông tin bằng tiếng nói, chữ viết của đồng bào DTTS; tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở vùng núi, vùng sâu, vùng xa; Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số Việt Nam giai đoạn 2020 – 2025” trên địa bàn tỉnh.

11. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan tăng cường công tác quản lý nhà nước về tài nguyên đất đai và môi trường, sinh thái vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật; trong đó có công tác thu gom, xử lý chất thải rắn vùng đồng bào DTTS theo quy định của pháp luật. Quản lý quy hoạch sử dụng đất, hướng dẫn, triển khai công tác lập Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất cho cấp huyện làm cơ sở cho vấn đề giải quyết đất ở, đất sản xuất cho đồng bào DTTS và các nội dung khác có liên quan.

12. Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp với các sở và địa phương liên quan triển khai thực hiện đầy đủ các chính sách về y tế, bảo hiểm y tế và dân số, kế hoạch hóa gia đình cho đồng bào DTTS, đảm bảo người DTTS được hưởng các dịch vụ y tế. Chỉ đạo đẩy mạnh đầu tư về nhân lực, cơ sở vật chất và trang thiết bị cho y tế cơ sở từ tuyến xã đến tuyến huyện đáp ứng được yêu cầu tối thiểu về công tác phòng bệnh, khám chữa bệnh vùng đồng bào DTTS.

b) Nghiên cứu đề xuất các giải pháp về y tế thiết thực phục vụ đồng bào DTTS, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh; chú trọng nâng cao chất lượng dân số cho đồng bào DTTS; hỗ trợ việc khai thác, bảo tồn, sử dụng các bài thuốc dân gian và phương pháp chữa bệnh cổ truyền của đồng bào DTTS.

13. Sở Công thương

a) Phối hợp với các chủ đầu tư triển khai có hiệu quả Chương trình cấp điện nông thôn và miền núi trên địa bàn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho các làng chưa có điện lưới quốc gia; triển khai chính sách khuyến khích ưu đãi cho hộ tư nhân, các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và kinh doanh, dịch vụ ở vùng dân tộc thiểu số. Tạo điều kiện thuận lợi các hình thức liên doanh, liên kết để huy động các nguồn lực phát triển công nghiệp, thương mại.

b) Tăng cường nâng cao chất lượng công tác khuyến công, hỗ trợ phát triển các mặt hàng thủ công, thủ công nghiệp ở vùng đồng bào DTTS, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất liên kết trong sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh, thương mại, dịch vụ...

14. Sở Giao thông vận tải

Chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư và UBND các huyện liên quan có kế hoạch tiếp tục đầu tư, nâng cấp các tuyến giao thông từ trung tâm huyện đến các xã, các làng vùng đồng bào DTTS; đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn.

15. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp triển khai thực hiện việc thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, bảo quản, chế biến nông lâm sản nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh trên thị trường; góp phần giảm nghèo bền vững, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho cộng đồng dân cư ở vùng đồng bào DTTS.

16. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan tham mưu xây dựng thể trận lòng dân trong khu vực phòng thủ tỉnh (huyện) vững chắc trong tình hình mới; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc. Phối hợp với Công an và các lực lượng tổ chức tuần tra, nắm tình hình, tham mưu xử lý kịp thời các tình huống, không để bị động bất ngờ; thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và vận động nhân dân các DTTS chấp hành nghiêm Luật Quốc phòng, Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Dân quân tự vệ, Luật Dự bị động viên.

17. Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan nắm chắc tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong vùng đồng bào DTTS. Kiên quyết đấu tranh với các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để tuyên truyền gây chia rẽ đoàn kết dân tộc; tiếp tục thực hiện có hiệu quả phong trào “03 không” (không để Fulrô, Đêga xâm nhập, móc nối hoạt động; không để tôn giáo tuyên truyền phát triển trái phép; không để các tập tục lạc hậu phục hồi, phát triển và tự giải quyết các mâu thuẫn ngay tại cơ sở); giữ vững an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội để phục vụ tốt cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

18. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

Tăng cường phối hợp với các đơn vị nhận ủy thác để thực hiện tốt chính sách tín dụng ưu đãi cho các đối tượng hộ đồng bào DTTS đảm bảo thuận lợi, đúng quy định để phát triển sản xuất, kinh doanh tạo sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số.

19. Các sở, ban, ngành có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động tham mưu, triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch này đảm bảo theo đúng quy định; lồng ghép các dự án phát triển của ngành, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác với các nhiệm vụ, đề án liên quan đến công tác dân tộc để triển khai thực hiện, đảm bảo hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí; rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, chính sách, đề án, nhiệm vụ cho phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

20. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển vùng đồng bào DTTS theo mục tiêu, nhiệm vụ của Chỉ thị số 59-CT/TU và Kế hoạch này phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế tại địa phương mình; tổ chức và huy động các nguồn lực, lồng ghép các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác trên địa bàn để triển khai thực hiện, đảm bảo hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí.

21. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

a) Phối hợp, hướng dẫn Hệ thống tổ chức Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đồng bào các DTTS đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, nâng cao chất lượng các phong trào, các cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể phát động; nêu cao ý chí tự lực, tự cường, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn.

b) Phối hợp tăng cường phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội trong quá trình thực hiện các chính sách đầu tư trên địa bàn, tuyên truyền nhân rộng những mô hình tiêu biểu trong cộng đồng các DTTS; chăm lo, bồi dưỡng và phát huy vai trò của những người tiêu biểu, người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố kịp thời có văn bản gửi Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp, báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết; đồng thời, hàng năm (trước ngày 20/12) báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch gửi Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Tỉnh ủy và Ủy ban Dân tộc./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành liên quan;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Châu

PHỤ LỤC 1
MỘT SỐ CHI TIÊU ĐẠT ĐƯỢC, PHÂN ĐẦU ĐẾN NĂM 2025
VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND, ngày / /2020 của UBND tỉnh)

STT	TÊN CHỈ TIÊU	Tỷ lệ đạt được đến năm 2019	Tỷ lệ phân đầu đến năm 2025	Tỷ lệ định hướng đến năm 2030	Ghi chú
1	Phân đầu mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số	21,9 triệu đồng/người/năm	2 lần/năm 2020	½ b/q chung cả nước	
2	Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số	2003 – 2018 giảm b/q 5,57%/năm, cuối năm 2019 còn 57%	Giảm b/q 3 – 4%	Giảm b/q 3 – 4%	
3	Xã có đường ô tô được nhựa hóa, bê tông hóa đến trung tâm xã	100%	Giữ vững 100%	Giữ vững 100%	
4	Đường ở thôn được bê tông hóa, cứng hóa theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải	88%	Trên 95%	99%	
5	Số trường kiên cố	94,9% (166/175)	100%	Giữ vững 100%	
6	Số phòng học kiên cố	89% (1.765/1.984)	100%	Giữ vững 100%	
5	Trạm y tế xã được xây dựng kiên cố	58% (31/53)	100%	Giữ vững 100%	
6	Tỷ lệ xã có Trạm y tế đạt chuẩn quốc gia về y tế	96,2% (51/53)	100%	Giữ vững 100%	
7	Số trạm y tế có bác sỹ	94,3% (50/53)	100%	Giữ vững 100%	
8	Thôn, làng có nhân viên y tế	97,8% (307/316)	100%	Giữ vững 100%	
9	Thôn, làng có điện lưới quốc gia	98% (310/316)	99%	100%	
10	Hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia	94,10%	99%	100%	
11	Đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh (9.486/10.895)	87%	99%	100%	
12	Tỷ lệ đồng bào DTTS được xem truyền hình	83,7%	100%	Giữ vững 100%	
13	Tỷ lệ đồng bào DTTS nghe Đài tiếng nói Việt Nam	88,4%	100%	Giữ vững 100%	

14	Quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí số hộ dân tộc thiểu số		80%	100%	
15	Giải quyết nhu cầu tối thiểu đất ở, đất sản xuất của các hộ DTTS, hộ nghèo, cận nghèo		100%	100%	
16	Xóa nhà tạm, dột nát cho số hộ DTTS nghèo;	(1.609 hộ nhà đơn sơ/11.276 hộ)	100%	100%	
17	Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường	98%	100%	100%	
18	Học sinh trong độ tuổi học tiểu học		100%	100%	
19	Học sinh trung học cơ sở		95%		
20	Học sinh trung học phổ thông		60%		
21	Người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông		90%		
22	Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân	Đạt trên 95%	100%	100%	
23	100% trạm y tế xã đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh BHYT		100%	100%	
24	Đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế	100%	100%	100%	
25	Phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở CS y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế	94,6%	Trên 97%		
26	Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân		Dưới 10%		
27	Lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người DTTS	20%	50%		
28	Xã có nhà văn hóa xã, thị trấn	84,9% (45/53)	100%	Giữ vững 100%	
29	Thôn, làng có nhà văn hóa, sinh hoạt cộng đồng	96,2% (304/316)	100%	Giữ vững 100%	
30	Thôn, làng có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng		50%		
31	Số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt chuẩn nông thôn mới			70%	

PHỤ LỤC 2
NHU CẦU ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI CẤP XÃ
VÀ HỖ TRỢ ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND, ngày / /2020 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu (diễn giải)	Đơn vị tính	Số lượng	Chia ra					Ghi chú
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông đến trung tâm xã	Km	535	120	112	106	102	95	Đạt cấp kỹ thuật theo quy định
2	Sửa chữa, đầu tư, nâng cấp trụ sở làm việc của xã	Trụ sở	13	7	2	2	1	1	
3	Trạm y tế xã chưa được xây dựng kiên cố	Trạm y tế	22	7	5	5	5	0	
4	Nhà văn hóa xã	Nhà văn hóa	10	5	4	1	0	0	Các nhà văn hóa chưa kiên cố hóa
5	Phòng học cho học sinh các cấp	Phòng học	885	180	180	175	175	175	Xây dựng mới và nâng cấp
6	Công trình điện 0,4 KW	Công trình	6	1	2	1	1	1	Làng O2 Vĩnh Kim khó thực hiện
7	Công trình nước sạch	Công trình	88	35	26	9	10	8	Xây dựng mới và nâng cấp
8	Chợ nông thôn, chợ đầu mối	Chợ	6	2	1	1	1	1	Xây dựng mới
9	Đường giao thông đến thôn	Km	1.041	225	218	211	196	191	Xây dựng mới và nâng cấp
10	Nhà văn hóa thôn	Nhà văn hóa	53	16	11	9	8	9	Xây dựng mới và nâng cấp
11	Hỗ trợ bảo hiểm y tế	Số người hỗ trợ	Tỷ lệ đạt %	100%	100%	100%	100%	100%	Chính sách TW và tỉnh
12	Hỗ trợ học sinh trường dân tộc nội trú	Học sinh	Tỷ lệ HS hỗ trợ %	100%	100%	100%	100%	100%	Theo chính sách Trung ương và tỉnh
13	Hỗ trợ học sinh dân tộc bán trú	Học sinh	Tỷ lệ HS hỗ trợ %	100%	100%	100%	100%	100%	Theo chính sách Trung ương và tỉnh
14	Hỗ trợ làm nhà ở hộ nghèo	Nhà	1.056	256	200	200	200	200	
15	Hỗ trợ đất ở	Hộ	594	194	100	100	100	100	
16	Hỗ trợ đất sản xuất	Hộ	5.305	1.305	1.000	1.000	1.000	1.000	
17	Hỗ trợ trồng rừng	Hecta rừng	717	300	210	107	50	50	Diện tích rừng trồng mới, đạt độ che phủ
18	Hỗ trợ khởi nghiệp	Dự án	46	8	8	9	10	11	

PHỤ LỤC 3

DANH MỤC CÁC ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, CHÍNH SÁCH TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 59-CT/TU CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY TỪ NĂM 2020 ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND, ngày / /2020 của UBND tỉnh)

TT	Tên chương trình, dự án, chính sách	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Trình, báo cáo UBND tỉnh	Ghi chú
I	Phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội					
1	Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030; Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030; Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/02/2020 của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội (Khóa XIV) về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030	Ban Dân tộc	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành, đơn vị có liên quan	2030	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	
2	Chỉ thị số 22-CT/TW ngày 10/12/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XVIII) về “Tăng cường hoạt động kết nghĩa giữa các địa phương, đơn vị vùng đồng bằng với các địa phương vùng đồng bào DTTS” và Văn bản số 378/UBND-TH ngày 21/01/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc giới thiệu và phân công các cơ quan, đơn vị, vùng đồng bằng kết nghĩa với các thôn, làng vùng dân tộc thiểu số	Ban Dân tộc	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Lâu dài	Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm	
3	Quyết định số 4604/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 ban	Ban Dân	Các sở, ban, ngành, UBND	2030	Báo cáo kết	

	hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về việc đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030	tộc	các huyện liên quan		quả thực hiện hàng năm	
4	Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh Bình Định về việc ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2019-2025	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện liên quan	2025	Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm	
5	Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 13/8/2015 của Ủy ban Dân tộc về việc ban hành Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 – 2025”	Ban Dân tộc	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện liên quan	2025		
6	Quyết định số 4212/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành một số chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số theo Nghị quyết 39-NQ/TW ngày 16/8/2004 của Bộ Chính trị	Ban Dân tộc	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện liên quan	Lâu dài		
II	Củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở; xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số					
1	Quyết định số 3202/QĐ-UBND ngày 17/9/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 28/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Bình Định	Ban Dân tộc	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện liên quan	Lâu dài		
2	Kế hoạch thực hiện Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới”	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện liên quan	Lâu dài		
3	Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính	Ban Dân tộc	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện liên quan	Lâu dài	Báo cáo kết quả thực hiện	

	sách đối với người có uy tín trong trong đồng bào DTTS				hàng năm	
III	Giáo dục đào tạo, dạy nghề, phát triển nguồn nhân lực					
	Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	Sở Giáo dục và Đào tạo	Ban Dân tộc, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và UBND các huyện	Lâu dài	Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm	
IV	Tuyên truyền, thông tin-truyền thông					
1	Kế hoạch thực hiện Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2019-2021	Ban Dân tộc	Bưu điện tỉnh và UBND các huyện	2021	Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm	
2	Quyết định số 4741/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số Việt Nam giai đoạn 2020 – 2025” trên địa bàn tỉnh	Ban Dân tộc	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện liên quan	2025	Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm	
3	Quyết định số 09/KH-UBND ngày 12/02/2020 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo đến năm 2021	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện liên quan	2021	Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm	
V	Củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở; xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số					
	Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong trong đồng bào DTTS	Ban Dân tộc	Các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện	Lâu dài		